|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD & ĐT BẮC NINH  TRƯỜNG THPT NGUYỄN DU  Số: /BC-THPTND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Bắc Ninh, ngày 28 tháng 4 năm 2023* |

**BÁO CÁO**

**Đánh giá kết quả thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng**

**kỳ thi tốt nghiệp THPT năm học 2022 - 2023**

**I. KHÁI QUÁT CHUNG**

**1. Khái quát chung về đội ngũ giảng dạy các môn thi Tốt nghiệp THPT:**

**-** Căn cứ vào kết quả kiểm tra năng lực chuyên môn của giáo viên và kết quả giảng dạy của giáo viên trong các năm học trước để phân công giáo viên tham gia giảng dạy các môn thi Tốt nghiệp**.**

* 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, nhiều giáo viên là giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh.
* Giáo viên dạy các môn thi Tốt nghiệp THPT là những người có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với nhà trường, luôn luôn cố gắng trau dồi kiến thức để nâng cao kĩ năng sư phạm nhằm đáp ứng tốt yêu cầu dạy học.
* Giáo viên cơ hữu của trường sau hơn 20 năm giảng dạy đã trưởng thành, có khả năng đảm đương cả về số lượng lẫn chất lượng các môn thi Tốt nghiệp, ở một số môn không cần mời giáo viên thỉnh giảng.

Cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môn** | **Số lượng giáo viên** | **Số GVDG cấp Tỉnh** |
| **1** | Toán | 5 | 2 |
| **2** | Văn | 5 | 3 |
| **3** | Tiếng Anh | 4 | 2 |
| **4** | Sử | 3 | 3 |
| **5** | Địa | 3 | 2 |
| **6** | GDCD | 3 | 1 |
| **7** | Lý | 1 | 1 |
| **8** | Hóa | 1 | 1 |
| **9** | Sinh | 1 | 0 |
| **Tổng** | 9 môn | 26 | 15 |

**2. Về học sinh lớp 12:**

- Số dự thi bài Toán: 549

- Số dự thi bài Ngữ Văn: 549

- Số dự thi bài Ngoại ngữ: 549

- Số dự thi bài KHTN: 34

- Số dự thi bài KHXH: 515

**II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG VĂN SỐ 1385/SGDĐT – GDTrH&GDTX.**

1. **Giải pháp 1: Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền về kỳ thi**

- Tuyên truyền thông tin rộng rãi tới cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh về ý nghĩa, tầm quan trọng, thông tin kỳ thi tốt nghiệp THPT (thời gian thi, địa điểm thi, công tác chuẩn bị, tổ chức kỳ thi, đảm bảo an toàn thực phẩm, hình thức thi, xét, những điểm mới,…) để kỳ thi diễn ra an toàn, nghiêm túc đúng quy chế.

- Phổ biến, nâng cao nhận thức về kỳ thi, chú trọng thông tin về những quy định, điểm mới của kỳ thi tốt nghiệp THPT và công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng. Thông qua các buổi tư vấn tuyển sinh giúp học sinh tìm hiểu các trường, ngành học phù hợp với sở thích, năng lực để lựa chọn khối thi, đăng ký xét tuyển. Hướng dẫn kĩ năng làm bài đối với học sinh để khắc phục những sai sót dễ mắc phải.

1. **Giải pháp 2: Nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn, hiệu quả hoạt động của đội ngũ giáo viên cốt cán.**

**-** Xây dựng và thực hiện kế hoạch triển khai sinh hoạt chuyên môn năm học 2022 – 2023.

**-** Phân công giáo viên Tham gia đầy đủ, nghiêm túc các buổi sinh hoạt chuyên môn do Sở giáo dục và đào tạo Bắc Ninh tổ chức.

- Tổ chức hai buổi sinh hoạt chuyên môn môn GDKT & PL và môn Âm nhạc lớp 10 cấp Tỉnh.

- Tổ chức một buổi sinh hoạt chuyên môn môn Lịch Sử 12 cụm các trường THPT thành phố.

- Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn theo định kỳ và đột xuất (sau khi giáo viên cốt cán được cử đi tập huấn hay tham gia sinh hoạt chuyên môn cấp Tỉnh, cấp Cụm Thành phố sẽ tập huấn lại cho tổ/ nhóm chuyên môn)

- Tổ chức Hội thảo chuyên đề “*Các biện pháp nâng cao kết quả kỳ thi Tốt nghiệp năm 2023*”. Buổi Hội thảo đã tổng kết kết quả thi Tốt nghiệp ở từng môn và từng lớp năm 2022, so sánh kết quả thi Tốt nghiệp năm 2021 và năm 2022, chỉ ra các nguyên nhân dẫn đến các kết quả đó từ đó xây dựng chỉ tiêu Tốt nghiệp năm 2023, đồng thời thống nhất xây dựng các giải pháp trong công tác quản lý, giảng dạy để nâng cao kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2023.

- Tổ chức trao đổi sinh hoạt chuyên môn xây dựng kế hoạch giảng dạy, nội dung ôn tập…các môn thi Tốt nghiệp THPT.

1. **Giải pháp 3: Xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề ôn tập đáp ứng từng giai đoạn**

- Yêu cầu giáo viên nghiên cứu kỹ cấu trúc đề tham khảo của Bộ và các đề của Sở đến nay nhà trường đã có ngân hàng đề gồm các đề thi tương tự đề thi của Bộ, của Sở để từ đó giáo viên sử dụng để dạy ôn tập cho học sinh theo đúng đối tượng, phù hợp với từng lớp, từng nhóm học sinh.

1. **Giải pháp 4: Phân loại, tổ chức dạy học theo năng lực và nguyện vọng của học sinh**

**-** Tổ chức các đợt kiểm tra chất lượng học sinhđể kịp thời điều chỉnh kế hoạch dạy học đảm bảo bám sát đối tượng đồng thời giúp học sinh lựa chọn đúng các môn thi phù hợp với năng lực của mình; Tổ chức cho học sinh làm bài kiểm tra 1 tiết các môn Toán, Văn, Anh, Sử, Địa, GDCD: Tính đến 28/4/2023 đã tổ chức hơn 60 bài kiểm tra 1 tiết. Thông qua các đợt kiểm tra tính đến ngày 28/4/2023 trong tổng số 549 học sinh dự thi Tốt nghiệp có 34 học sinh dự thi bài thi KHTN và 515 học sinh dự thi bài thi KHXH.

**-** Tổ chức 2 đợt kiểm tra năng lực giáo viên để rà soát đội ngũ giáo viên, sắp xếp giáo viên dạy phù hợp với năng lực, trình độ.

1. **Giải pháp 5: Chú trọng công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện**

**-** Xây dựng và thực hiện kế hoạch chỉ đạo và thực hiện nâng cao chất lượng kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2023.

- Tổ chức dạy ôn thi Tốt nghiệp THPT: Từ 31/01/2023 đến 20/6/2023 với tổng số 20 buổi, mỗi buổi học 3 tiết.

**-** Quản lý chặt chẽ nền nếp, chất lượng các buổi ôn thi ở tất cả các môn thi đặc biệt quan tâm tới những môn các năm trước đây kết quả còn thấp và những lớp có nhiều học sinh học lực yếu.

**-** Phối hợp chặt chẽ với phụ huynh học sinh trong việc quản lý, động viên học sinh học tập ở nhà và ở trường.

**-** Tăng cường công tác Bồi dưỡng Học sinh giỏi: Thông qua các buổi Bồi dưỡng học sinh được trang bị thêm các kiến thức nâng cao, học sinh được luyện các câu hỏi có độ khó cao, các câu lấy điểm 9, điểm 10 trong các đề thi Tốt nghiệp, qua đó góp phần nâng cao kết quả kỳ thi Tốt nghiệp**.**

**-** Tổ chức các lớp phụ đạo học sinh yếu kém, có nguy cơ trượt Tốt nghiệp cao.

**-** Phát động giáo viên thành lập các lớp, các nhóm học tập online để giáo viên giao bài tập và chữa bài cho học sinh, tổ chức cho học sinh làm các bài kiểm tra online (hình thức này rất phù hợp với các môn thi trắc nghiệm).

**III. KẾT QUẢ CÁC ĐỢT KHẢO SÁT**

1. **Kết quả chung toàn trường:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn** | **ĐTB thi TN THPT Toàn quốc năm 2022** | **Khảo sát đợt 1 (**Do Sở GDĐT tổ chức vào tháng 1/2023) | | **Khảo sát đợt 2 (**Do Sở GDDT tổ chức vào tháng 3/2023) | | **Khảo sát đợt 3 (**Do Trường Nguyễn Du tổ chức vào tháng 4/2023**)** | |
| **ĐTB** | **Chênh lệch so với ĐTB toàn quốc 2022** | **ĐTB** | **Chênh lệch so với ĐTB toàn quốc 2022** | **ĐTB** | **Chênh lệch so với ĐTB toàn quốc 2022** |
| **Toán** | 6.47 | 4.63 | -1.84 | 4.47 | -2 | 5.41 | -1.06 |
| **Văn** | 6.51 | 4.46 | -2.05 | 5.15 | -1.36 | 5.83 | -0.68 |
| **Anh** | 5.15 | 3.55 | -1.6 | 3.55 | -1.6 | 4.75 | -0.4 |
| **Sử** | 6.34 | 4.79 | -1.55 | 5.17 | -1.17 | 5.85 | -0.49 |
| **Địa** | 6.68 | 5.85 | -0.83 | 6.72 | +0.04 | 6.81 | +0.13 |
| **GDCD** | 8.03 | 5.48 | -2.55 | 5.71 | -2.32 | 7.63 | -0.4 |
| **Lý** | 6.72 | 7.44 | +0.72 | 7.36 | +0.64 | 7.47 | +0.75 |
| **Hóa** | 6.7 | 5.68 | -1.02 | 6.06 | -0.64 | 6.94 | +0.24 |
| **Sinh** | 5.02 | 5.11 | +0.09 | 6.05 | +1.03 | 7.64 | +2.62 |
| **Toàn trường** | | 4.83 |  | 5.15 |  | 6.06 |  |

***Ghi chú*:** “- ”: Thấp hơn: “+”: Cao hơn

1. **Kết quả từng môn học:** 
   1. **Môn Toán:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT 2023** | **GV dạy** | **ĐTB Khảo sát đợt 1** | **ĐTB Khảo sát đợt 2** | **ĐTB Khảo sát đợt 3** |
| 12A0 | 34 | Hiệp | 7.3 | 7.02 | 7.84 |
| 12A1 | 46 | Tỉnh | 5.81 | 5.19 | 6.42 |
| 12A2 | 49 | Tỉnh | 5.16 | 5.00 | 6.17 |
| 12A3 | 49 | Tỉnh | 4.2 | 4.22 | 5.04 |
| 12A4 | 44 | Hiệp | 3.94 | 3.75 | 4.62 |
| 12A5 | 47 | Hương | 3.79 | 3.67 | 4.82 |
| 12A7 | 42 | Xoan | 5.79 | 5.47 | 6.48 |
| 12A8 | 48 | Hương | 3.66 | 3.73 | 4.53 |
| 12A9 | 48 | Ngân | 4.25 | 3.94 | 4.88 |
| 12A10 | 48 | Hương | 3.75 | 3.75 | 4.74 |
| 12A11 | 48 | Ngân | 4.63 | 4.51 | 5.33 |
| 12A12 | 46 | Ngân | 4.2 | 4.28 | 4.91 |

* 1. **Môn Văn:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT 2023** | **GV dạy** | **ĐTB Khảo sát đợt 1** | **ĐTB Khảo sát đợt 2** | **ĐTB Khảo sát đợt 3** |
| **12A0** | 34 | Nga | 5.3 | 5.79 | 6.49 |
| **12A1** | 46 | Luyến | 5.92 | 7.05 | 7.41 |
| **12A2** | 49 | Luyến | 5.08 | 5.89 | 6.45 |
| **12A3** | 49 | Hảo | 3.94 | 4.66 | 5.26 |
| **12A4** | 44 | Hảo | 3.78 | 4.51 | 5.07 |
| **12A5** | 47 | Nga | 3.81 | 4.6 | 5.55 |
| **12A7** | 42 | Nga | 5.67 | 6.33 | 7.14 |
| **12A8** | 48 | Thùy | 3.98 | 4.52 | 5.18 |
| **12A9** | 48 | Thùy | 3.67 | 4.46 | 5.06 |
| **12A10** | 48 | Hường | 3.83 | 4.66 | 5.21 |
| **12A11** | 48 | Hảo | 4.68 | 5.25 | 6.19 |
| **12A12** | 46 | Hường | 4.21 | 4.5 | 5.32 |

* 1. **Môn Tiếng Anh:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT 2023** | **GV dạy** | **ĐTB Khảo sát đợt 1** | **ĐTB Khảo sát đợt 2** | **ĐTB Khảo sát đợt 3** |
| **12A0** | 34 | Chinh | 4.1 | 4.68 | 5.87 |
| **12A1** | 46 | Chinh | 4.49 | 4.92 | 6.21 |
| **12A2** | 49 | Hạnh | 3.52 | 3.69 | 4.67 |
| **12A3** | 49 | Hạnh | 3.51 | 3.6 | 4.53 |
| **12A4** | 44 | Hoa | 3.17 | 3.07 | 3.93 |
| **12A5** | 47 | Hoa | 3.18 | 3.01 | 3.91 |
| **12A7** | 42 | Hoa | 3.92 | 3.79 | 5.23 |
| **12A8** | 48 | Hạnh | 3.43 | 3.27 | 4.04 |
| **12A9** | 48 | Nhàn | 3.27 | 3.17 | 4.69 |
| **12A10** | 48 | Nhàn | 3.22 | 3.14 | 4.37 |
| **12A11** | 48 | Nhàn | 3.59 | 3.39 | 5.18 |
| **12A12** | 46 | Chinh | 3.39 | 3.23 | 4.76 |

* 1. **Môn Lịch Sử:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT 2023** | **GV dạy** | **ĐTB Khảo sát đợt 1** | **ĐTB Khảo sát đợt 2** | **ĐTB Khảo sát đợt 3** |
| **12A1** | 46 | Trang | 6.08 | 6.36 | 7.04 |
| **12A2** | 49 | Trang | 5.29 | 5.84 | 6.12 |
| **12A3** | 49 | Trang | 4.77 | 5.19 | 5.86 |
| **12A4** | 44 | Minh | 4.11 | 4.46 | 5.47 |
| **12A5** | 47 | Minh | 4.19 | 4.81 | 5.48 |
| **12A7** | 42 | Trinh | 6.29 | 6.7 | 6.79 |
| **12A8** | 48 | Minh | 4.24 | 4.59 | 5.43 |
| **12A9** | 48 | Minh | 4.3 | 4.67 | 5.61 |
| **12A10** | 48 | Minh | 4.31 | 4.74 | 5.86 |
| **12A11** | 48 | Trinh | 5.07 | 5.14 | 5.65 |
| **12A12** | 46 | Trinh | 4.2 | 4.53 | 5.1 |

* 1. **Môn Địa Lý:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT 2023** | **GV dạy** | **ĐTB Khảo sát đợt 1** | **ĐTB Khảo sát đợt 2** | **ĐTB Khảo sát đợt 3** |
| **12A1** | 46 | Tân | 6.99 | 7.75 | 7.91 |
| **12A2** | 49 | Tân | 6.26 | 7.08 | 6.89 |
| **12A3** | 49 | Tân | 5.53 | 6.21 | 6.45 |
| **12A4** | 44 | Tới | 4.99 | 6.11 | 6.28 |
| **12A5** | 47 | Tới | 5.34 | 5.95 | 6.2 |
| **12A7** | 42 | Hà | 7.37 | 8.19 | 7.99 |
| **12A8** | 48 | Hà | 5.57 | 6.44 | 6.31 |
| **12A9** | 48 | Hà | 6.17 | 6.43 | 6.57 |
| **12A10** | 48 | Hà | 5.23 | 6.44 | 6.77 |
| **12A11** | 48 | Hà | 6.27 | 6.9 | 7.04 |
| **12A12** | 46 | Hà | 5.82 | 6.57 | 6.61 |

* 1. **Môn GDCD:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT 2023** | **GV dạy** | **ĐTB Khảo sát đợt 1** | **ĐTB Khảo sát đợt 2** | **ĐTB Khảo sát đợt 3** |
| **12A1** | 46 | Thu | 6.57 | 6.79 | 8.45 |
| **12A2** | 49 | Thu | 5.89 | 6.45 | 8.19 |
| **12A3** | 49 | Thu | 5.66 | 5.82 | 7.79 |
| **12A4** | 44 | Thu | 5.36 | 5.74 | 7.41 |
| **12A5** | 47 | Mến | 5.06 | 5.2 | 7.19 |
| **12A7** | 42 | Thu | 6.55 | 7.09 | 8.39 |
| **12A8** | 48 | Mến | 4.98 | 4.81 | 7.03 |
| **12A9** | 48 | Vân | 5.21 | 5.24 | 7.3 |
| **12A10** | 48 | Vân | 4.68 | 4.94 | 7.4 |
| **12A11** | 48 | Mến | 5.45 | 5.66 | 7.51 |
| **12A12** | 46 | Mến | 4.93 | 5.2 | 7.35 |

* 1. **Môn Vật Lý:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT 2023** | **GV dạy** | **ĐTB Khảo sát đợt 1** | **ĐTB Khảo sát đợt 2** | **ĐTB Khảo sát đợt 3** |
| **12A0** | 34 | Tuyết | 7.44 | 7.36 | 7.47 |

* 1. **Môn Hóa học:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT 2023** | **GV dạy** | **ĐTB Khảo sát đợt 1** | **ĐTB Khảo sát đợt 2** | **ĐTB Khảo sát đợt 3** |
| **12A0** | 34 | Thắng | 5.68 | 6.06 | 6.94 |

* 1. **Môn Sinh học:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS thi TN THPT 2023** | **GV dạy** | **ĐTB Khảo sát đợt 1** | **ĐTB Khảo sát đợt 2** | **ĐTB Khảo sát đợt 3** |
| **12A0** | 34 | Dung | 5.11 | 6.05 | 7.64 |

**IV. CHỈ TIÊU, GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THI TỐT NGHIỆP THPT 2023.**

1. **Chỉ tiêu (đến từng môn):**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn** | **Năm 2022** | | **Năm 2023** | |
| **Điểm TB** | **Xếp thứ** | **Điểm TB** | **Xếp thứ** |
| Toán | **6,24** | *26* | **6.5** | *25* |
| Văn | **6,71** | *25* | **6.71** | *25* |
| Anh | **4,77** | *22* | **5.5** | *15* |
| Lý | **8,09** | *2* | **8.09** | *2* |
| Hóa | **7,54** | *7* | **7.54** | *7* |
| Sinh | **5,95** | *3* | **6.0** | *3* |
| Sử | **7,22** | *9* | **7.22** | *9* |
| Địa | **7,13** | *14* | **7.13** | *14* |
| GDCD | **8,51** | *12* | **8.51** | *12* |
| **Toàn trường** | **6,85** | *17* | **7.02** | *17* |

1. **Giải pháp chính:** 
   1. **Đối với nhà trường:**

* Tiếp tục chỉ đạo dạy ôn thi Tốt nghiệp THPT nghiêm túc, hiệu quả: đảm bảo sĩ số các lớp, tăng cường kiểm tra hoạt động dạy ôn tập của giáo viên và hoạt động học của học sinh bằng các biện pháp như lãnh đạo nhà trường dự giờ đột xuất các tiết dạy ôn tập, kiểm tra vở ghi, vở bài tập, tài liệu ôn tập của học sinh thường xuyên
* Tiếp tục tổ chức tốt các bài kiểm tra 1 tiết các môn: Tiếp tục duy trì tổ chức kiểm tra 1 tiết các môn Toán, Anh, Sử, Địa, GDCD bằng hình thức điền đáp án, môn Văn bằng hình thức tự luận với thời lượng mỗi tuần 2 bài kiểm tra vào thứ Hai, thứ Năm và thứ Bảy.
* Tiếp tục tổ chức tốt thi thử Tốt nghiệp: nhà trường dự kiến sẽ tổ chức 2 lần thi thử Tốt nghiệp vào tháng 5 và tháng 6 tới. Sau mỗi bài thi tiến hành tổng kết kết quả từng môn ở từng lớp của từng giáo viên đồng thời có biện pháp xử lý kịp thời với những học sinh kết quả thi còn thấp, có nguy cơ trượt tốt nghiệp…
* Tiếp tục triển khai xây dựng ngân hàng đề bám sát đề thi tham khảo của Bộ và chỉ đạo giáo viên tiếp tục sử dụng ngân hàng đề của Sở để ôn tập cho học sinh theo đúng đối tượng.
* Phối hợp chặt chẽ với phụ huynh học sinh trong việc quản lý, động viên học sinh học tập ở nhà và ở trường
  1. **Đối với các môn thi Tốt nghiệp THPT:**

**\* Giáo viên dạy các môn thi Tốt nghiệp THPT cần tiếp tục thực hiện:**

* Chuẩn bị chu đáo các nội dung dạy ôn tập, bám sát kế hoạch dạy học.
* Dạy học nghiêm túc, sát sao, và phải phân loại được các đối tượng học sinh để có biện pháp dạy học phù hợp, hiệu quả.
* Thường xuyên kiểm tra vở ghi, vở bài bài tập, tài liệu ôn tập… của học sinh.
* Nếu chữa đề thì giáo viên bộ môn giao bài tập hoặc câu hỏi về nhà từ tiết trước; Trước khi chữa đề cần kiểm tra việc làm bài tập về nhà của học sinh; Khi chữa đề yêu cầu giáo viên đọc cả câu hỏi và cả nội dung đáp án. Nghiêm cấm cách giảng câu 1,2,3…đáp án A, B, C… trong khi học sinh không biết A, B, C là gì.
* Xử lý nghiêm các trường hợp học sinh ý thức học tập chưa tốt, kết quả học tập còn yếu kém.
* Phối hợp với nhà trường tổ chức tốt các bài kiểm tra 1 tiết: Chữa đề cương, hướng dẫn học sinh ôn tập nghiêm túc; Kiểm tra việc ôn tập của học sinh; Chấm, chữa bài thật cẩn thận để nắm được tình hình học tập của học sinh, kịp thời có biện pháp dạy học phù hợp và hiệu quả; Có biện pháp xử lý kết quả của học sinh sau mỗi bài kiểm tra (Tuyên dương, khen thưởng các học sinh có kết quả tốt, phê bình, xử lý các học sinh có kết quả kém…)

1. **Kế hoạch ôn tập (kèm theo chương trình, Thời khóa biểu,…..):**

Ôn tập từ 31/01/2023 đến 20/6/2023 (20 tuần thực học) tương ứng mỗi môn học 20 buổi, mỗi buổi học 3 tiết, trong đó, các môn học của từng lớp như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Các môn ôn tập** | **Số môn học/1 lớp/ tuần** | **Số buổi/ 1 lớp** | **Số tiết/1 môn/1 lớp** | **Số tiết/ 1 lớp** |
| 12A0 | Toán, Văn, Anh, Lý, Hóa, Sinh | 6 | 120 buổi | 60 tiết | 360 tiết |
| 12A1, 12A2, 12A3, 12A4, 12A5, 12A7, 12A8, 12A9, 12A10, 12A11, 12A12 | Toán, Văn, Anh, Sử, Địa, GDCD | 6 | 120 buổi | 60 tiết | 360 tiết |

* Thời khóa biểu, chương trình…: ***Văn bản kèm theo***.

**V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ: Không**

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận:  - Sở GD & ĐT  - Các PHT  - Các TTMN  - Lưu VT | **HIỆU TRƯỞNG**  **Đỗ Quyết Thắng** |